

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:04/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 13/01/2022  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Dũng;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 287/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm: 1990; (có đơn xin vắng mặt)*

*Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh T.*

*- Bị đơn: Anh Lê Văn Nghĩa H, sinh năm: 1983; (vắng mặt)*

*Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh T.*

*Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh T.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Chúc L trình bày:*

Chị và Anh Lê Văn Nghĩa H chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 07/4/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, Anh H thường

xuân cờ bạc và không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con, chị đã khuyên nhủ Anh H nhiều lần nhưng không được. Chị và Anh H đã ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với Anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 10/12/2008; Lê Minh Tm, sinh ngày 27/10/2010; Lê Trọng L, sinh ngày 10/12/2012 và Lê Trọng K, sinh ngày 15/7/2019, hiện các con chung đang sống với Chị L. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng 04 con chung là Cháu T, Cháu Tm, Cháu L và Cháu K, chị yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/01 con chung cho đến khi Cháu T, Cháu Tm, Cháu L và Cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ngày 15/12/2021 Chị L có thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cụ thể chị yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung cho đến khi Cháu Tm, và Cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con đối với Cháu T và Cháu K.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Anh Lê Văn Nghĩa H trình bày: Anh và Chị L chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn, anh thống nhất với lời trình bày của Chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn như Chị L trình bày là không đúng, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, anh có vài lần cờ bạc nhưng anh hứa sẽ bỏ cờ bạc và lo làm ăn. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Anh mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho con.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 10/12/2008; Lê Minh Tm, sinh ngày 27/10/2010; Lê Trọng L, sinh ngày 10/12/2012 và Lê Trọng K, sinh ngày 15/7/2019, hiện đang sống với Chị L. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý giao 04 con chung cho Chị L nuôi dưỡng, tuy nhiên anh không cấp dưỡng nuôi con do không có tiền, hiện anh đi làm phụ hồ nên thu nhập bấp bênh. Sau này khi nào có tiền bao nhiêu thì anh sẽ cho riêng con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Người tham gia tố tụng dân sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Chúc L, cho Chị L được ly hôn với Anh Lê Văn Nghĩa H; Giao 04 con chung là cháu Lê Minh T, sinh ngày 10/12/2008; Lê Minh Tm, sinh ngày 27/10/2010; Lê Trọng L, sinh ngày

10/12/2012 và Lê Trọng K, sinh ngày 15/7/2019 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc Anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung đối với con chung Lê Minh Tm và Lê Trọng L cho đến khi cháu Cháu Tm và Cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Chúc L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn Anh Lê Văn Nghĩa H dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị L, Anh H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con với Anh H nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn Anh H có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Chị L và Anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 07/4/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L cho rằng chị và Anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, Anh H thường xuyên cờ bạc và không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con, chị đã khuyên nhủ Anh H nhiều lần nhưng không được. Chị và Anh H đã ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Chị L cương quyết xin ly hôn, không đồng ý đoàn tụ, còn Anh H không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ, Anh H thừa nhận việc anh cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Thời gian ly thân cho đến nay, Anh H cũng không đưa ra được phương án cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ngoài ra Anh H cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ đó cho thấy Anh H đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị L.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của Chị L và Anh H về việc giao 04 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 10/12/2008; Lê Minh Tm, sinh ngày 27/10/2010; Lê Trọng L, sinh ngày 10/12/2012 và Lê Trọng K, sinh ngày 15/7/2019 cho Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung cho đến khi cháu Lê Minh Tm và Lê Trọng L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh H cho rằng hiện anh đang làm phụ hồ, công việc có thu nhập bấp bênh nên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy “cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con” nên việc Chị L yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 con chung cho đến khi Cháu Tm và Cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của Anh H và nhu cầu thiết yếu của con chung là Cháu Tm và Cháu L theo quy định tại Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị L.

Chị L không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con đối với con chung Lê Minh T và Lê Trọng K nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và Anh H trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang là có cơ sở và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Chúc L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị Chúc L được ly hôn với Anh Lê Văn Nghĩa H.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của Chị L và Anh H về việc giao 04 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 10/12/2008; Lê Minh Tm, sinh ngày 27/10/2010; Lê Trọng L, sinh ngày 10/12/2012 và Lê Trọng K, sinh ngày

15/7/2019 cho Chị Nguyễn Thị Chúc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn Nghĩa H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc Anh Lê Văn Nghĩa H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung cho đến khi cháu Lê Minh Tm và Lê Trọng L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh H chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Chúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000658 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy Chị L đã thi hành xong án phí.

Anh Lê Văn Nghĩa H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Chúc L, bị đơn Anh Lê Văn Nghĩa H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Ngô Lê Quế Thanh**

